CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9

Ngày 31/03/2025	2,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**10.5%**	**-**

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.18| -100%

LN thuần
Q1/25
-0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.03| 11.5%
YoY: ▼0.10| -70.8%

LN sau thuế
Q1/25
-0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.42| 63.8%
YoY: ▼0.10| -70.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

ROE (TTM)
Q1/25
-10.9%
YoY: +/-▼ 4.8%

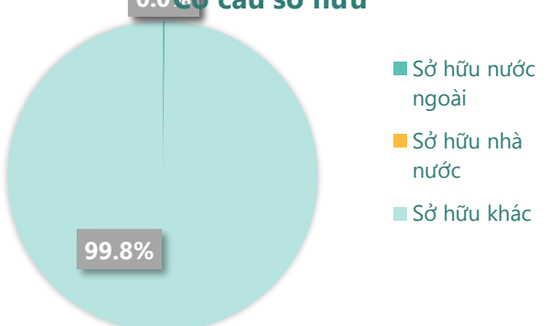
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 3,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
Số lượng CPLH (CP)	12,023,613
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,885
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	-82
P/E	-25.5

DT thuần
2024
0.18
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.15| -92.5%

LN thuần
2024
0.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.8| 103%

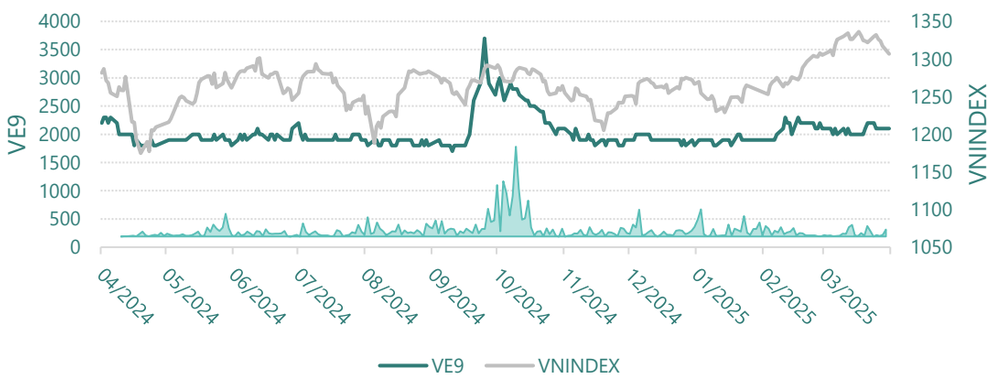
LN sau thuế
2024
-0.07
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.3| 99.4%

Cơ cấu sở hữu

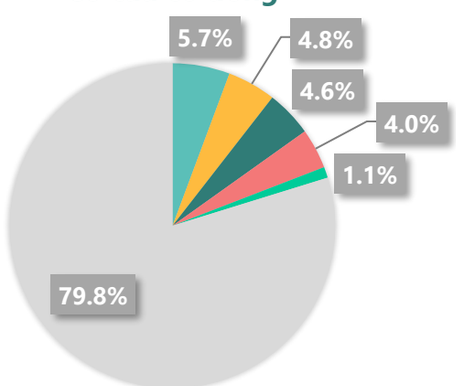


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

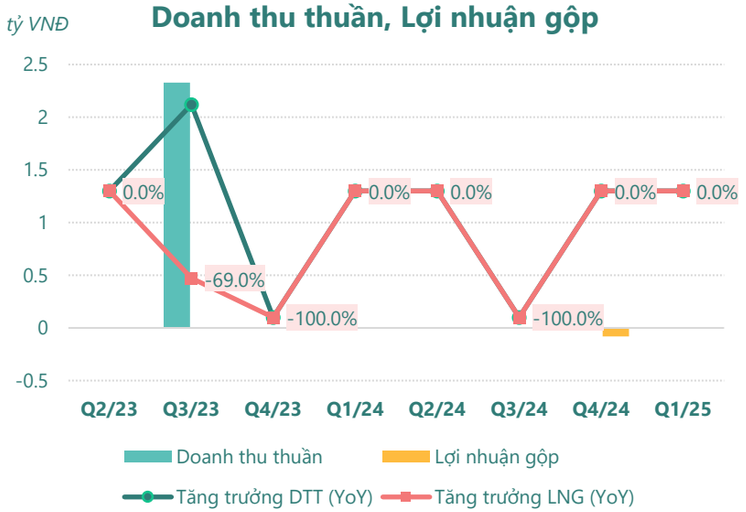


- Nguyễn Chí Linh
- Nguyễn Văn Duy
- American LLC
- CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9
- Nguyễn Công Quyền
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

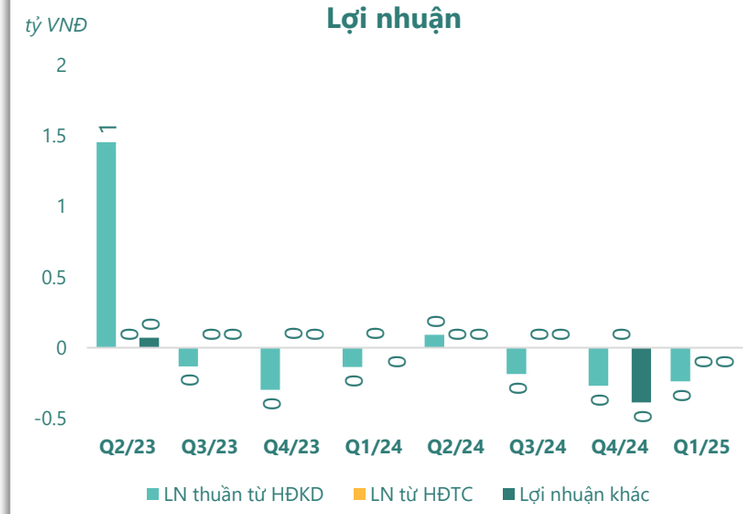
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



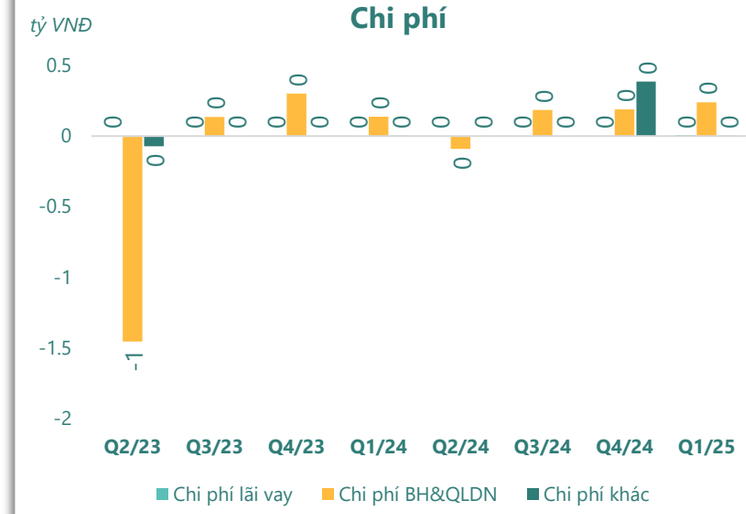
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



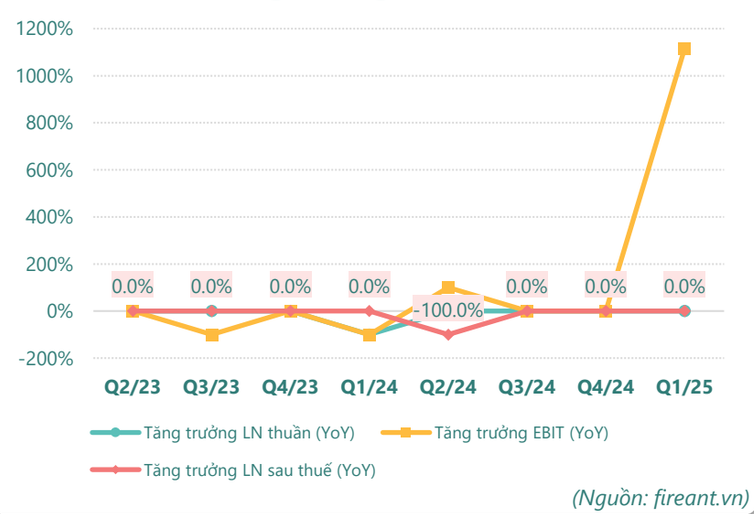
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



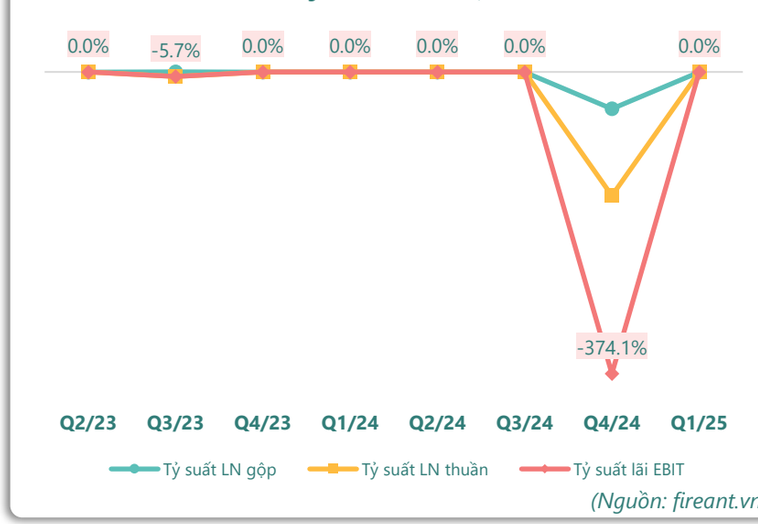
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



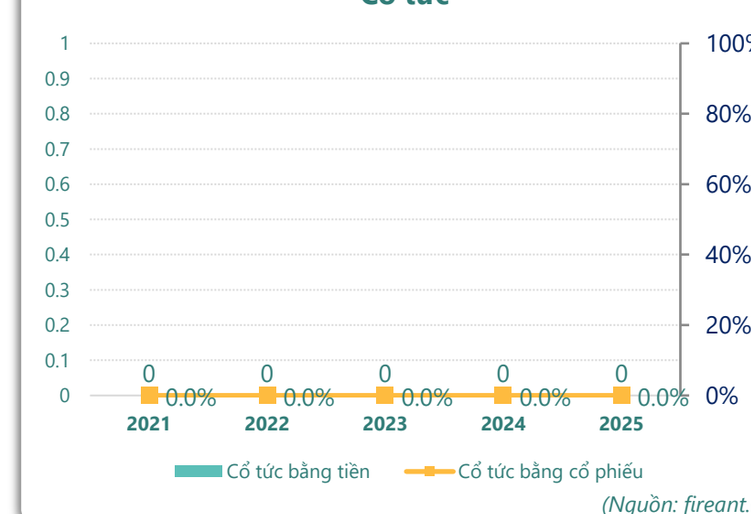
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

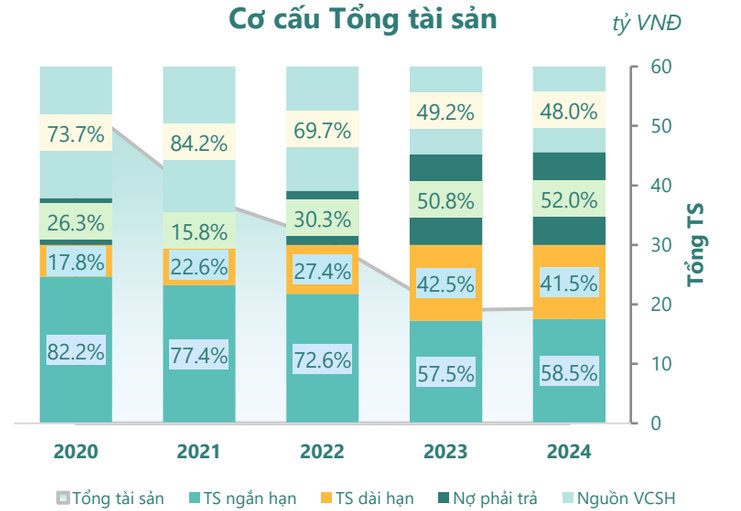
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

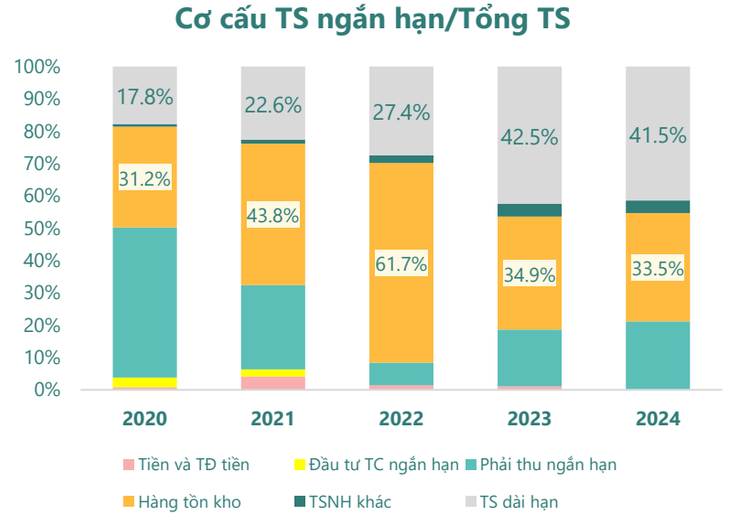
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



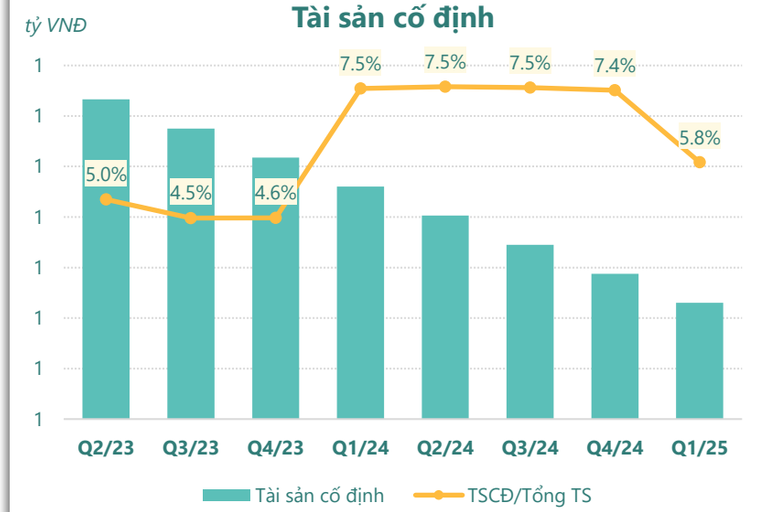
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



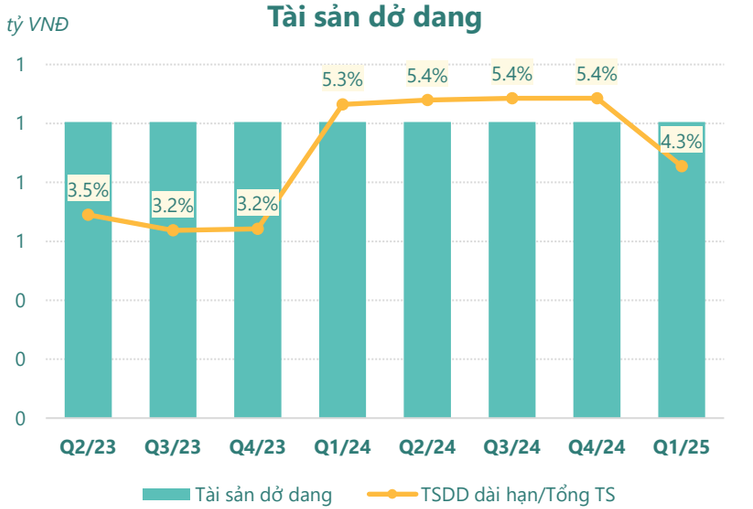
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



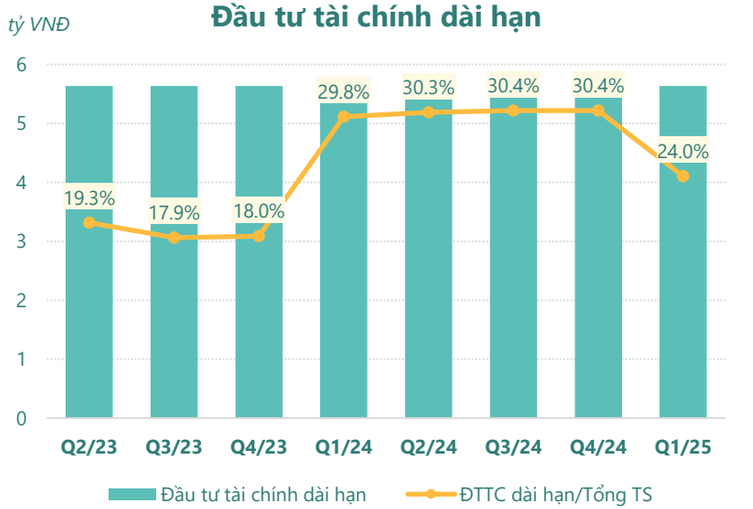
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



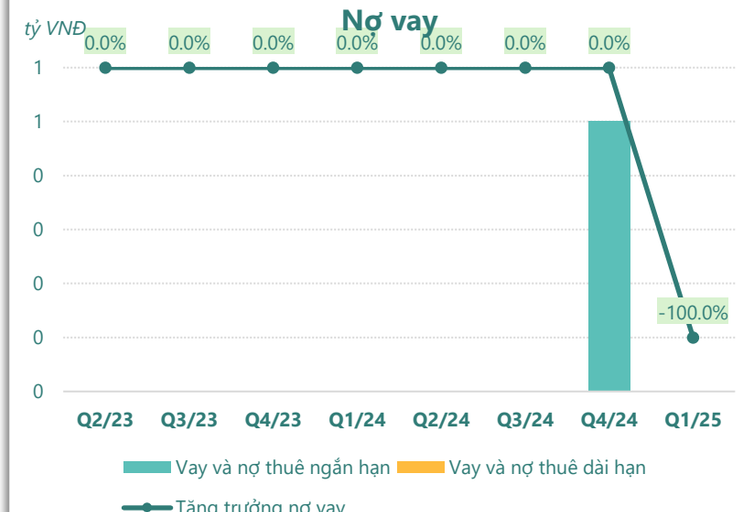
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

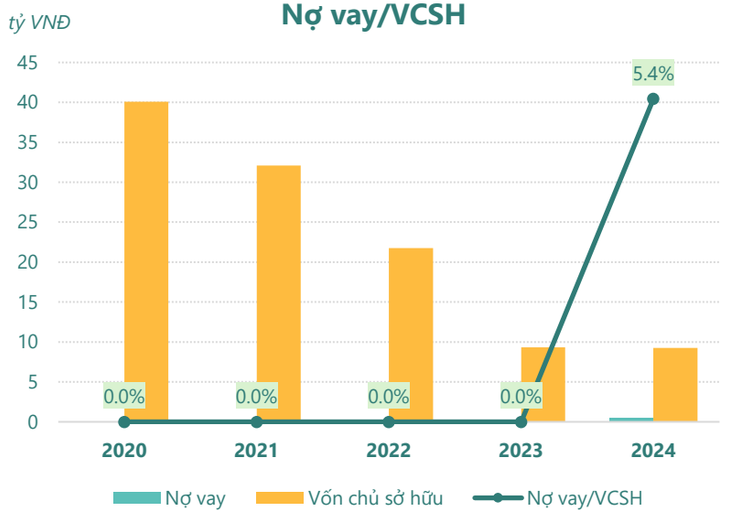
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

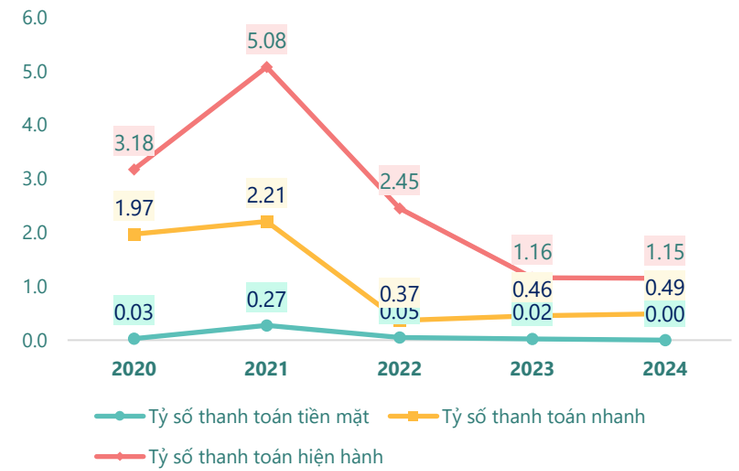
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



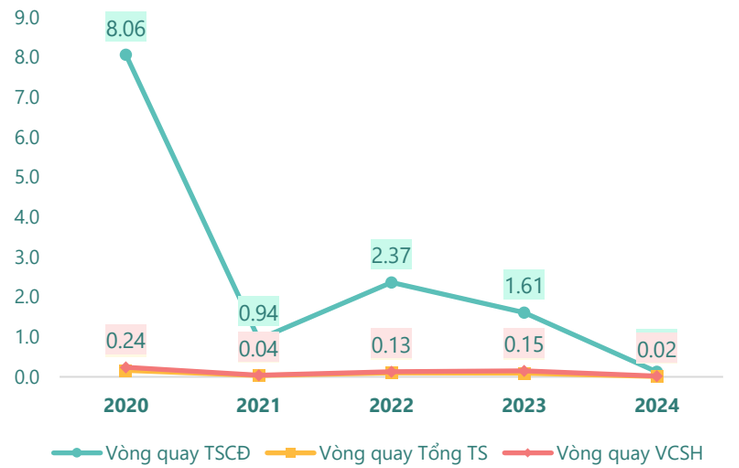
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



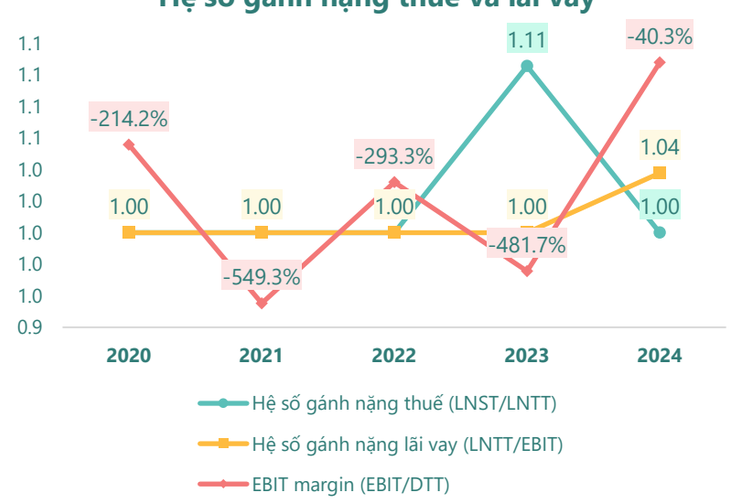
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



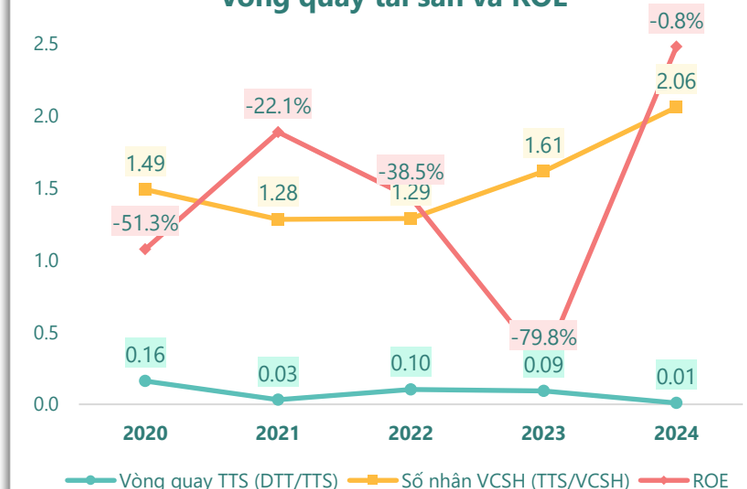
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



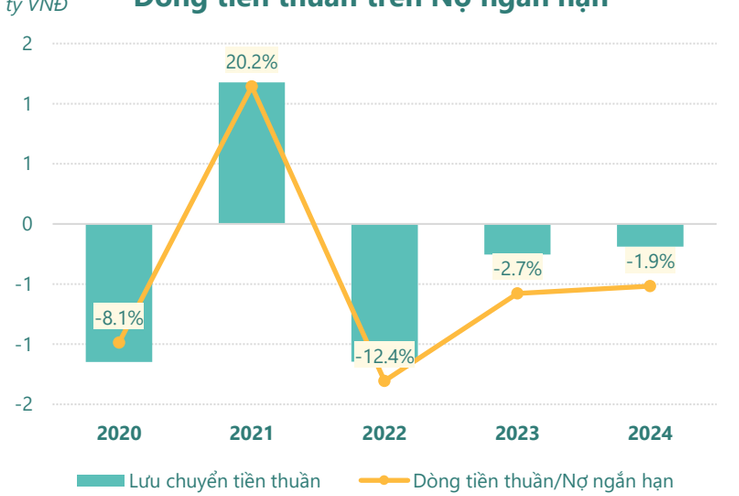
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0.18**	**2.33**	**-92.5%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0.26	13.6	-98.1%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		-0.08	-11.3	99.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-81.3%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	0	
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.00	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.24**	**0.14**	**70.4%**	**-0.39**	**-0.74**	**46.9%**
LN thuần từ HĐKD	-0.24	-0.14	-70.8%	0.31	-10.5	103%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.39**	**-0.67**	**42.2%**
LN trước thuế	-0.24	-0.14	-70.9%	-0.07	-11.2	99.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.24**	**-0.14**	**-70.9%**	**-0.07**	**-12.4**	**99.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.24**	**-0.14**	**-70.9%**	**-0.07**	**-12.4**	**99.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.07	-0.07	0.04	-0.15	-0.51	6.47
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.50	-0.50
Tiền đầu kỳ	0.27	0.20	0.13	0.17	0.01	0.01
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.07**	**-0.07**	**0.04**	**-0.15**	**-0.01**	**5.97**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.20	0.13	0.17	0.01	0.01	5.98

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23.5**	**19.3**	**21.7%**
Tài sản ngắn hạn	15.5	11.3	37.1%
Tiền và tương đương tiền	5.98	0.01	65503%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.31	4.08	-43.4%
Hàng tồn kho	6.48	6.48	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.75	0.75	0.0%
Tài sản dài hạn	**8.01**	**8.02**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.37	1.38	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.01	1.01	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.64	5.64	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.5	10.1	44.0%
Nợ ngắn hạn	**14.3**	**9.84**	**45.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.45	4.49	-1.0%
Nợ dài hạn	0.22	0.22	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9.03**	**9.27**	**-2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**9.03**	**9.27**	**-2.6%**
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)